

## ĐẠI BÁT-NIẾT-BÀN KINH TẬP GIẢI

### QUYỂN 54

#### Phẩm 23: SỰ TỬ HỔNG (Phần 1)

- Nêu mười một việc để giải thích nghĩa Sự tử hống.
- Sáu câu hỏi Sự tử hống, hỏi về Phật tánh.
- Đáp câu hỏi thứ nhất.
- Đáp câu hỏi thứ hai.
- Đáp câu hỏi thứ ba.
- Đáp câu hỏi thứ tư.
- Nói lên chúng sinh không thấy Phật tánh, vì bị vô minh che lấp, lại chưa thể vượt qua con sông mười hai duyên, giống như thỏ, ngựa.
- Nói về nghĩa nhân quả sâu nặng của mười hai nhân duyên.
- Nói về Mười hai nhân duyên rất sâu xa, không đoạn, không thường, người Nhị thừa chẳng thấy được.
- Nói trí thấy được mười hai nhân duyên có bốn thứ.
- Nói mười hai nhân duyên tức là Trung đạo Phật tánh.

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Đức Phật đáp câu hỏi thứ ba mười bốn. Đối với tất cả các pháp đều có tánh yên vui, cúi mong Đấng Đại Tiên phân biệt giảng nói cho chúng con nghe. Về nghĩa của Trường Thọ, Kim Cương, Nhân quả, Năm hạnh và Mười Công Đức đã nói trên, có nhiều đường, nhưng nói chung không ngoài Niết-bàn, nhân quả và Phật tánh.

Nay, nói về tánh, dù danh từ là đồng, nhưng về tướng nhân quả thì khác, nhận thức thì không trái nhau, là như Sự Tử Hống hỏi. Không biết thì trái, là sau Bồ-tát Ca-diếp hỏi.

Đức Phật nói pháp đã lâu, tâm người đã uể oải, nên Đức Thế tôn bảo đại chúng hãy hỏi, mà Sự Tử Hống khéo hỏi về Phật tánh, là lấy người hỏi đặt tên phẩm.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Trên đây, thứ nhất nói về lý, giáo của kinh, là chánh kinh của kinh. Giáo, lý đã tròn đầy, có công năng diệt ác,

sinh thiện. Công dụng của năng lực càng rộng bao la thì càng vượt hơn các kinh điển khác, nên thứ hai là khen rộng. Đã làm lợi ích tốt đẹp như vậy, đâu thể không nương vào kinh này để tu hành, nên thứ ba là nói rộng về năm hạnh mười công đức. Nói về sự do hạnh sinh ra để soi rọi cảnh. Sự tốt đẹp trong cảnh, chỉ là Phật tánh.

Từ đây trở xuống, là đáp câu hỏi thứ ba mươi bốn: “Đối với tất cả các pháp đều có tánh yên vui?”

Nói về ảnh hưởng lẫn nhau của bậc Thánh, biết lúc đáp là ở đây, nhân căn cơ, mà đặt câu hỏi, phát ngôn. Dù đối với Sư Tử Hống, mà ý chỉ của kinh đã được Phật chỉ ra, thật là Phật đáp câu hỏi của Bồ-tát Ca-diếp.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Sư tử Hống, Ca-diếp, đồng đáp câu hỏi thứ ba mươi bốn. Trên đã nói về thể của hạnh. Nay, kế là nói về thể đã phát ra duyên của hạnh. Nếu không biết đúng về tánh nhân, quả thì sẽ không thành Trung đạo, nên kế là y theo “Duyên” để nói về hạnh.

Nay, nói rộng về thể tánh của nhân quả, làm sao cho chúng sinh nhận thức mà thực hành để sớm ra khỏi sinh tử.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Thứ ba là đoạn lớn của kinh, nói lại nghĩa Phật tánh. Đại khái có chia ra tám đoạn:

1. Đặt ra sáu câu hỏi và đáp, để giải thích Phật tánh.
2. Nói về Trung đạo.
3. Nói về ràng buộc, giải thoát.
4. Nói về tu đạo.
5. Nói về chuyển chướng.
6. Khuyên.
7. Nói về không lui sụt.
8. Khen rộng.

Mình Tuấn xét:

Năm hạnh, mười công đức là nói rộng về hạnh. Từ đây trở xuống, hai phẩm nói rộng về cảnh, đại khái chia ra tám đoạn, không khác với giải thích này.”

“Bấy giờ, Phật bảo tất cả đại chúng” cho đến “Nếu có người nào đến hỏi Ta không thể đáp.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Trên đã nói nhân, quả đều gọi là Phật tánh. Nếu không nói là biết khác thì nhân quả đều mờ mịt, mờ mịt thì sinh nghi ngờ, nghi ngờ thì hữu, vô chưa phân cho nên Phật bảo phải giải quyết tâm nghi ngờ.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Vì sắp nói về cảnh của Phật tánh, nhân

quả, nên trước nêu rộng về điều nghi, khuyến khích thưa hỏi.”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Phát ngộ khác nhau, cơ duyên chẳng phải một. Nay, phải bảo khắp, nói là đạo của mọi người, nêu lâu các pháp môn.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Đại khái phán quyết về lời Sư Tử Hồng nói chỉ có mười đoạn:

1. Sư tử HỒNG có sáu câu hỏi, Đức Phật có sáu câu đáp. Trước lần lượt nói rõ, quyết định về thể tánh của nhân quả. Vì nếu tu đạo, mà tâm không có chỗ y cứ thì hạnh cũng khó tiến bộ, nên trước phải nói về thể tánh của nhân quả, sao cho kim chỉ nam.

2. Khuyến tin: Nếu đối với tánh nhân quả, đối với kẻ có lòng tin chưa quyết định, thì khuyên họ nên nương theo mười hai bộ kinh, y cứ vào ứng thân Phật, quán nhân quả, quán hai nghiệp thân, miệng của Như Lai, do đó mà hiện. Nếu vì chúng sinh, không vì bản thân mình mà Bồ-tát xuất hiện ở đời, thì sẽ biết được trong thiên hạ đã có quả cực kỳ tốt đẹp, đó là lý tất nhiên, giúp cho chúng sinh được tướng và tu nhân để thú hưởng.

3. Nói về ràng buộc, giải thoát: Nếu lòng tin không lập đối với tánh chất nhân quả này thì gọi là sự ràng buộc. Ngược lại, nếu yên định đối với lý Đại thừa, sinh lòng tin quyết định, thì gọi là giải thoát.

4. Nói về tu đạo: Nếu muốn từ ràng buộc được giải thoát, thì phải nhờ tu đạo, nên kể sau ràng buộc, giải thoát, là nói có đạo để tu.”

5. Nói về chuyển chướng: Chỉ vì chúng sinh nghe lời nhiệm mầu này, khó được dụng tâm. Nếu không dùng việc gần để khuyến dụ, thì sẽ không được tiếp nhận nhập lý, nên nói rằng: “Phải tu giới thân, tuệ tâm mới chuyển được nghiệp nặng, cảm thọ nghiệp nhẹ ở cõi trời, cõi người. Nếu không như vậy, thì nghiệp nhẹ sẽ lại thọ.

6. Cho nên là nói về khuyến tu. Muốn được lìa bỏ nhanh chóng chướng nặng, thì phải tu đạo. nếu không thực hành như thế, thì sẽ khó được lìa chướng.

7. Nêu ra người có khả năng tu đạo. Chúng sinh đã nghe nói có người tu đạo, nhưng vì chưa biết được phương pháp tu ra sao, nên nay sẽ nói về tướng của phương pháp tu đạo đó.

8. Khen công đức của người tu đạo: Tâm chí của phàm phu cạn hẹp, cho rằng: “Mỗi ngày chỉ ăn một hạt mè, một hạt gạo, khổ sở gian nan mà chịu đựng được. Cho nên kể sẽ nói về công đức của người này, nói về hành pháp được vị, không biết mệt nhọc, ở ngay trong cảnh khổ mà vẫn dịu dặt, hóa độ chúng sinh, như vui ba thiên.

9. Khen ngợi kinh: Tự mình không học theo kinh này thì công hạnh sẽ không nhờ đâu mà được thành tựu, có công đức không thể suy nghĩa bàn luận.

10. Khen ngợi câu kinh của Phật: Đức Phật ở ngôi vị chủ hóa độ, có khả năng giúp cho chúng sinh, nhờ pháp được vui, với ân đức của Phật như vậy đâu thể không khen ngợi.”

“Bấy giờ, trong chúng hội có một vị Bồ-tát” cho đến “Đức Như Lai Đại từ bi đã cho phép.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Dù Phật không bảo Đại chúng nêu câu hỏi nhưng kể đã đến lúc ban xuống ý chỉ từ bi, Bồ-tát liền nghe và vâng lệnh.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Đại chúng đương thời được tỏ ngộ, phải do Bồ-tát Sư tử Hống, cho nên ứng cơ mà xuất hiện.”

“Phật bảo các đại chúng rằng” cho đến cho nên nay ở trước ta muốn sống lên tiếng rống sư tử. Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: Nếu “Không nói về công đức của người hỏi, thì người nghe sẽ không đến, nên phải khen ngợi trọng hậu. Muốn sư tử Hống: Sư tử là danh hiệu không sợ, chỉ Phật mới có đủ, Bồ-tát Thập địa có đủ ba hạnh, có thể học Phật Hống, đức không cạn cợt.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Sở dĩ ở trước Phật khen khuyên đại chúng hãy cung kính, cúng dường là vì muốn cho chúng sinh tiếp nhận tỏ ngộ, phát tâm hết lòng kính trọng.”

“Này người thiện nam! Như sư tử đầu đàn, tự biết năng lực của thân mình” cho đến “Có thể rống như sư tử, thật là sư tử đầu đàn.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nêu nghĩa rống của Phật. Đầu tiên trí lực của thân là quả, ba hạnh là gốc của thân trí lực. Phật có đủ các đức này, nên có khả năng rống. Bốn chân sư tử là giới, ba hạnh ví dụ cho hang núi. Vẫy đuôi phát ra tiếng rống là phát ra sự nghiệp đại bi.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Thân là pháp thân. Lực là mười lực. Răng, nanh là công dụng của trí Nhất thiết chủng. Bốn chân là bốn như y túc. An trú trong hang núi là Bốn thiền sâu lắng. Vẫy đuôi phát ra tiếng là Đại từ bi.”

“Sáng sớm, sư tử vừa bước ra khỏi hang, liền vươn vai, nhìn khắp bốn phía, phát ra tiếng rống pháp sư Tăng Lượng nói: Bốn đức này là tướng nói lên lợi ích sắp rống.”

Xét: Pháp sư Bảo Lượng nói: “Từ đây trở xuống chính là nói về sự nghiệp ứng hiện ba cõi, hóa độ chúng sinh của Như Lai. Sáng sớm:

Là căn cơ chúng sinh mới phát ngộ. Phó cảm chúng sinh kia, là ra khỏi hang bốn thiền. Thường vươn vai là phát ra ánh sáng, làm rung chuyển mặt đất. Ngáp là nói pháp, nhìn khắp bốn phía: Là dụ cho bốn trí vô ngại.”

“Làm mười một việc, mười một việc ấy là” cho đến “Các voi đầu đàn sợ chạy té phân.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nói vì việc lợi ích.”

Này các người thiện nam! “Như loài chồn hoang kia” cho đến “Không bao giờ thể rống lên tiếng rống như sư tử được.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nêu Thanh văn không có tiếng rống của sư tử.”

“Này người thiện nam! Như Lai Đẳng Chánh Giác, trí tuệ là nanh vuốt” cho đến “An trụ trong hang thanh tịnh bốn thiền.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Hợp với việc trong hang ở trước.”

“Vì các chúng sinh mà rống như sư tử, phá dẹp quân ma.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Hợp với ví dụ thứ nhất, hiện làm sư tử.”

“Chỉ rõ cho đại chúng biết về mười Lực”:

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Hợp với ví dụ thứ hai, là thử năng lực của thân mình.”

“Mở rộng những việc mà Phật đã làm.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Hợp với ví dụ thứ ba, vì chúng sinh mà làm cho trụ xứ thanh tịnh.”

“Vì các tà kiến mà làm chỗ quy y.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Hợp với ví dụ thứ tư, vì bảo cho các sư tử con biết chỗ ở của mình.”

“Vỗ về chúng sợ hãi sinh tử.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Hợp với ví dụ thứ năm, vì làm cho đàn sư tử con không có tâm hoảng sợ.”

“Giác ngộ chúng sinh ngủ say trong vô minh.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Hợp với ví dụ thứ sáu, vì làm cho người ngủ được thức giấc.”

“Vì làm cho người gây ra điều ác, sinh tâm ăn năn.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Hợp với ví dụ thứ bảy, vì muốn cho các thú buông lung không còn buông lung.”

“Mở ra, tà kiến cho tất cả chúng sinh thấy, làm cho họ biết sáu vị giáo chủ ngoại đạo không phải là tiếng rống sư tử.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Hợp với ví dụ thứ tám, vì làm cho các thú khác đến nương tựa.”

“Vì phát tâm kiêu hãnh, ngạo mạn của Phú-lan-na...”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Hợp với ví dụ thứ chín, vì điều phục voi đầu đàn.”

“Vì làm cho người Nhị thừa sinh tâm ăn năn” cho đến “các Bồ-tát, v.v... sinh tâm đại lực.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Hợp với ví dụ thứ mười.”

“Vì làm cho chúng sinh của bốn bộ chánh kiến” cho đến “Bồ-tát bốn bộ chúng không cảm thấy sợ hãi đối với đồ chúng tà kiến.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Hợp với ví dụ thứ mười một.”

“Nên từ hang của Thánh hạnh, phạm hạnh, thiên hạnh” cho đến “Như Lai thường trụ, không có thay đổi.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Hợp với bốn ví dụ sau. Nói pháp đã rộng, nói nanh vuốt, hợp với nghĩa.”

“Này người thiện nam! Các Thanh văn, Duyên giác dù là theo” cho đến “mà cũng không thể làm tiếng rống Sư tử.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Hợp với ví dụ chồn hoang.”

Nếu “Bồ-tát Thập trụ! tu hành được ba hạnh này, phải biết rằng các Bồ-tát đó có khả năng rống tiếng rống của sư tử.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Hợp với con của sư tử, ba tuổi, chắc chắn có thể rống.”

“Này các người thiện nam! Bồ-tát Sư tử Hống này” cho đến “Cúng dường, cung kính, tôn trọng, khen ngợi.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nêu thí dụ, tổng kết, khuyên cung kính.”

“Bấy giờ, Đức Thế tôn bảo Bồ-tát Sư tử Hống” cho đến “Nếu ông muốn hỏi, nay hãy tùy ý.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Khen ngợi đã xong, khuyên hỏi lại.”

Đại Bồ tát Sư Tử Hống bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế tôn! Thế nào là Phật tánh?”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: Đây là “Hỏi về thể của Phật tánh.”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Thứ nhất là hỏi về thể của Phật tánh.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Gồm có sáu câu hỏi, ba câu hỏi trước là hỏi về tánh nhân quả, ba câu hỏi sau là hỏi về nghĩa kiến để chứng minh hữu. Đây là hỏi về tánh quả, quả là tông chỉ cùng cực. Cho nên phải nói là hỏi trước, lời đáp sau đây là để biết rõ về thần tuệ. Thế tướng không

thay đổi là tánh, lý thiên chân vốn có ở bên ngoài của muôn hóa. Hạnh đầy soi khắp, mới hội nhập lý này, không lìa thần tuệ mà nói là tánh?”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Đây là hỏi về tánh nhân, là nghĩa không thay đổi, có thể được quả, mà trong nhân dùng lý gì mà khen ngợi ư?”

“Vì sao gọi là thường, lạc, ngã, tịnh?”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Từ “vì sao cho nên đến đây là câu hỏi thứ hai, đã hỏi về Phật tánh, lấy hạt giống nảy mầm làm nghĩa. Vì nếu sinh diệt, nên hỏi rằng, vì sao lại gọi là thường, lạc, ngã, tịnh?”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Câu hỏi thứ ba, lý do được gọi bốn nghĩa như Thường...?”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Hỏi về nhân quả chung.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Hỏi riêng về tánh quả, vì sao lại gọi riêng là thường, lạc, ngã, tịnh?”

“Nếu tất cả chúng sinh đều có Phật tánh” cho đến “Tất cả chúng sinh, đều có Phật tánh.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Nếu Phật tánh không thể dứt được, thì tức là đã có tác dụng của năng lực mà gần gũi ở thể của con người, đáng lý thấy được, vì sao không thấy ư?”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Câu hỏi thứ tư: “Nếu trong thân chắc chắn có Phật tánh, thì vì sao không tự thấy?”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Nêu việc thấy để nói về nghĩa hữu, vô.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Đây là hỏi về pháp chương ngại. Nếu quyết định “có” Phật tánh thì vì sao không thấy?”

“Bồ-tát Thập Trụ trụ trong pháp nào mà không thấy rõ ràng? Đức Phật trụ trong pháp nào mà thấy rõ?”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Không nghi ngờ Bồ-tát không hiểu rõ, mà là ngờ vực thấy được Phật tánh. Phật tánh tuyệt diệu, phải đầy đủ các điều lành mới thấy. Bồ-tát trụ trong pháp nào mà thấy được Phật tánh ư?”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Câu hỏi thứ năm.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Dưới đây có hai câu hỏi, đồng làm sáng tỏ về nghĩa thấy, mà câu hỏi này lại y cứ vào hạnh.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Câu hỏi này hỏi về dứt trừ pháp chương.”

“Bồ-tát Thập Trụ dùng mắt nào mà thấy rõ Phật tánh? Đức Phật dùng mắt nào mà thấy rõ?”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Đã nói là được thấy thì dùng mắt nào để thấy? Là do Phật đáp.”

Pháp sư Tăng Lượng nói: Đây là “Câu hỏi thứ sáu”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Ở trước, y cứ vào hạnh để nói về thấy, ở đây lại y cứ vào mắt, chính là vì sự khác nhau của nhân.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Hỏi vì sao không hiểu rõ. Thập địa dùng mắt nào mà không thấy rõ? Dùng mắt nào trong năm mắt của Phật mà được thấy rõ?”

“Phật bảo: “Này người thiện nam! Lành thay ! lành thay!” cho đến “Chư Phật, Thế tôn dùng mắt nào để thấy?”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nghĩa phước đức, trí tuệ có ngắn, dài. Vì sao? Vì nói về kẻ gây ra tội, thì từ tình là dễ, còn tu phước là trái với tâm là khó. Khó thì tự mình cố gắng mới thành, còn dễ thì không thực hành mà tự khởi, vì khổ dứt thì vui sinh, nghĩa là phước do được không mất là đức, qua đó người hiểu rõ chân, được gọi tên riêng là tuệ, là do địa Vô học đều được đủ cả hai.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Trước, sau đều khen, vì lòng người khi phát.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Nói đủ về sự trang nghiêm này, chính là nhận thức được lý nhân quả này.”

“Bồ-tát Sư tử Hống thưa: “Bạch Đức Thế tôn!” cho đến “Thế nào gọi là phước đức trang nghiêm?”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Sẽ nói về tướng của phước đức ấy, nên nêu câu hỏi để phát khởi.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Thỉnh Phật giải thích ý chỉ, để nêu câu hỏi sau.”

“Này người thiện nam! Tuệ trang nghiêm” cho đến “Cho đến Bát-nhã, chẳng phải Bát-nhã ba-la-mật.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Gọi địa là hạnh, đều dùng lý giải để gọi, đều là tuệ, phạm phu chấp tướng phước, không thể vượt qua sinh tử, chẳng phải phước, cho đến chẳng phải Bát-nhã.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Sau đây, có ba lớp giải thích: Đây là lớp thứ nhất, vì Thập trụ trở xuống là phước, Thập trụ trở lên là trí tuệ.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Thứ nhất, từ Sơ địa đến Thập địa, lấy quên tướng trong “Duyên”, chánh quán vô lậu “Không” giải làm tuệ trang nghiêm. Lấy trí quán của Thập địa làm phước đức trang nghiêm, chính là song yếu, là từ nghĩa mà phán quyết.”

“Lại nữa, này người thiện nam! Tuệ trang nghiêm là” cho đến



“Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát Cửu trụ.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Hàng Thanh văn đến Cửu địa có chướng nặng” cho đến “Chưa dứt hết, ít thấy Phật tánh, nên không được gọi là tuệ. Trên là nói phàm phu, ở đây nói bậc Thánh.”

Lại nữa, “Này người thiện nam! Phước đức trang nghiêm” cho đến “Không có quả báo vô vi, vô ngại, thường trụ.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Học pháp là phước đức, Vô học là trí tuệ.”

“Này người thiện nam! Nay, ông đã có đủ hai pháp trang nghiêm này” cho đến “Phật cũng có đủ hai thứ trang nghiêm này, nên có khả năng giải đáp những nghĩa ấy.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Kiết hai pháp trang nghiêm, bắt đầu hỏi đáp.”

“Đại Bồ-tát Sư tử Hống bạch Phật rằng:” cho đến “Một thứ, hai thứ là tướng phàm phu.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Ở trên nói duyên “Có” gọi là phước đức, là pháp của phàm phu. Nếu thế thì không có hai trong các pháp, đủ cả hai, không nên hỏi, hướng chi là đáp được ư?”

Phật bảo: “Này người thiện nam! Nếu có Bồ-tát” cho đến “Thì có thể hiểu biết một thứ, hai thứ.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Có thể biết một thứ, hai thứ: Một là Niết-bàn, hai là sinh tử, đều y theo hai thứ khác nhau trong cái “Có”, mới thấy rằng, chẳng nên nói “Có” đều là điên đảo.”

“Nếu nói các pháp không có một, hai” cho đến tất cả các pháp không có một, không có hai.

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: Nói hữu vô đều là thế đế khác nhau.

Này người thiện nam! Nếu nói một hai cho đến. “Người có đủ hai thứ trang nghiêm thì mới có khả năng hỏi, có khả năng đáp.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Phàm phu chẳng thấy thường, chẳng thấy vô thường.”

“Này người Thiện nam! Ông hỏi: “Thế nào là Phật tánh?” cho đến “Ta sẽ phân biệt, giải thích cho ông hiểu.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Sẽ đáp câu hỏi, trước hết là Đức Phật nêu câu hỏi, nhằm khuyên răn hãy khéo lắng nghe.”

“Này người thiện nam! Phật tánh gọi là Bạc nhất nghĩa không.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Đây là đáp câu hỏi về thể của Phật tánh. Phải trước, thấy bất không, sau đó thấy “Không”, thì mới là Bạc

nhất nghĩa “Không”, bậc nhất nghĩa vì đã có bất không, chỉ có Phật mới thấy, cho nên chỉ có Phật là Phật tánh. Bồ-tát Thập trụ cũng được gọi là thấy, dưới đến người học Đại thừa cũng được gọi. Sở dĩ nêu “Bậc nhất nghĩa” “Không” là Phật tánh vì so sánh nghĩa thì đồng, mà bao gồm học dưới, nhằm tiến đến môn đồ sau này, không câu nệ nghĩa thường, mà đều là thường, tất nhiên, đáp được những câu hỏi về không sợ.”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Cảnh của trí Phật là tánh nhân.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Phật đáp câu hỏi đầu. Trước là hỏi về quả. Nay đáp: “Do biết rõ là Phật, không thay đổi, gọi “Tánh”, là Bậc nhất nghĩa Không. Nêu cảnh để nói về dụng của Quả trí. Cảnh dưới chỉ là thường do vô thường. Vì Thường là pháp cùng cực trong Lý, nên gọi là Bậc nhất nghĩa “Không”, nghĩa là Kim cương, vì thể này là khổ, tập, vì không tránh khỏi trạng thái hư hoại, nên có thể không.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Câu hỏi thứ nhất có hai ý, đáp ở đây cũng có hai phần. Vả lại, trước nêu ra tánh của quả, quả Phật “Như như”, dùng pháp tánh làm thể, không có tất cả tướng, vì vượt ngoài “Trăm phi” nên gọi là “Bậc nhất nghĩa không”.

“Bậc nhất nghĩa “Không” gọi là trí tuệ.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Không thấy cả hai thì không gọi là trí tuệ.”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Trí chiếu cảnh của Phật là tánh của quả. Sở dĩ nêu cả Cảnh, Trí là vì Trí lấy chiếu cảnh làm năng. Nếu cảnh không sâu, thì sẽ không do đâu để làm sáng tỏ công năng của trí. Nếu trí soi không sáng suốt thì sẽ không do đâu để nói lên chỗ sâu sắc của cảnh. Do đó, phải do cảnh và trí phát khởi lẫn nhau, thì công dụng của trí mới tỏ bày.

Nghĩa bậc nhất là Niết-bàn. Niết-bàn chân, tục đều là thật, gọi chung là Bậc nhất nghĩa. “Không” là sinh tử. Sinh tử là tục, đều lốống đối, gọi chung là “Không”.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Trước đã nêu Cảnh, nay nói khéo biết Bậc nhất và “Không” thì gọi là trí tuệ năng chiếu của quả Phật.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Đã hiểu rõ tánh của quả, giờ đây trước là nêu thể để lấy trí. Nếu không y theo dụng để giải thích thể, thì không lấy gì để nói lên sự khác nhau của tánh nhân quả, nên nói về các đức của quả Phật, chỉ lấy Bậc nhất nghĩa “Không” làm thể.”

“Nói không là chẳng thấp không và bất không.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Lấy riêng câu trước thì chẳng phải nghĩa bậc nhất.”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Giải thích cảnh không, sinh tử lấy si mê làm gốc, vì không thấy biết!”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Phân biệt với người Nhị thừa. Người Nhị thừa vào lúc vô sinh bình đẳng, cũng được gọi là bậc nhất, là lạm dụng lẫn nhau, cho nên phải lựa chọn, nghĩa là người Nhị thừa đều chẳng thấy “Không” và bất “Không”.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Thế của quả Phật tròn đầy, kiến giải Trung đạo rốt ráo, bấy giờ không còn thấy “Không” và bất không là khác nhau. Nhưng nhất tướng là vô tướng, không và bất không chẳng thể khác nhau. Cho nên nói chỉ có người trí mới thấy không và bất không. Giải thích sáu hạnh đều như thế.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Nói thấy cả hai.”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Giải thích nghĩa bậc nhất của Cảnh. Niết-bàn lấy trí làm chính. Vì dứt trừ điên đảo, cho nên bất không.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Nhận thức cả hai lý, gọi là Phật, Bồ-tát.”

“Không, là tất cả sinh tử.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: Đây là “Giải thích lại về “Không”. Sinh tử thật ra là vô tánh. Tục thì vô thường, nên gọi là không.”

“Bất không” là Đại Niết-bàn” cho đến “Ngã” là Đại Niết-bàn.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Giải thích lại Bậc nhất nghĩa.” Niết-bàn thật cũng vô tánh, vì tục thì thường trụ, nên gọi là bất không.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Giáo xưa nói Thế đế là “Có”, do nghĩa đế Bậc nhất là vô. Nay nói sinh tử là hư giả, không vô tự thể, nên gọi là “Không”. Niết-bàn là chân thật “Diệu hữu”, nên gọi “Bất không” vì thế một nhà giải thích: Hai thời sinh tử là “Không có”, Niết-bàn cũng có hai thời bất vô. Vì sao? Vì ngày câu kiết nhân, ngay thế là luống dối và đến quán giải, soi rọi không có một thứ nào là thật, nên tìm kiếm cả hai thời suy tìm đều không có tự tánh, đều là điên đảo giả có. Hiện nay, thân giải của chúng sinh do thời đã có, do tu đạo mà dứt trừ, tục hết thì chân hiện, cả hai thời đều bất không, nên gọi Niết-bàn là Bất không, sinh tử là không.”

“Thấy tất cả không, bất không là bất không” cho đến “Không thấy ngã, không gọi Trung đạo.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Thấy không nghiêng lệch, là thế của Phật tánh.”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Giải thích trí Phật, trước nói về cái thấy nghiêng lệch, nghĩa là chẳng phải Phật dùng đúng, sai, để nói lên cái

đúng.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Nói về mặt lý thì đâu có người nào không biết? Nói theo giáo thì chỉ một bề hiểu về “không”, vì hiểu nghiêng lệch, nên không gọi là Trung đạo.”

“Trung đạo gọi là Phật tánh.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nêu cái thấy không nghiêng lệch, để nói lên sự chiếu soi cùng khắp, nên gọi là Phật.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Chỉ cho tánh của quả địa.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Phật tánh của quả Phật, mới là hiểu lý Trung đạo.”

“Do nghĩa này, nên Phật tánh thường hằng, không thay đổi.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Không nghiêng lệch thì đều là chân.”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Kiết trí cho nên là Phật. Chiếu khắp thì “Hoặc” hết, hoặc đã hết, thì không có thay đổi.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Tức là thể tánh của quả. Trước đã nói “thấy tất cả là không, chẳng thấy bất không, chẳng gọi Trung đạo.” Sau đây là nêu Nhị thừa không thấy để đối lại.”

“Vì bị vô minh che khuất, nên làm cho các chúng sinh không thể thấy được.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Chẳng thể do không thấy là vô thường.”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Đáp câu hỏi thứ ba. Cảnh giới là thường có, vì vô minh che lấp nên không thấy.”

“Thanh văn, Duyên giác thấy tất cả là không” cho đến “Vì không có Trung đạo, nên chẳng thấy Phật tánh.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Rõ ràng là người không thấy, vì không thấy Cảnh, nên trí cũng đều mất.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Quán đạo của ba thừa nghiêng lệch không thấy Bạc nhất nghĩa “Không”, nên không thực hành Trung đạo. Hạnh Trung đạo đã không thành, thì làm sao thấy được Phật tánh ư?”

“Này người thiện nam! Người thấy Trung đạo” cho đến “Hai là hạnh Định lạc, ba là hạnh Khổ lạc.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Ba hạng đều được cho là đã thấy Trung đạo. Người có chân kiến, tự phân biệt rõ ràng.”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nói về tánh của chánh nhân, duyên nhân. Phạm phu, Nhị thừa, ngay nơi tình là thấy, chẳng phải thấy. Nói nhân có chánh, tà, cũng có xa, gần, do ba loại khác nhau.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Dưới đây là đáp câu hỏi thứ hai. Trong phần đáp, thông thường có ba thứ: Một là nói về chánh nhân; hai là nói về “Duyên” nhân; ba là nói về nhân của cảnh giới.

Câu hỏi ở trước rằng: “Sinh tử vô thường, vì sao cũng gọi là tánh?”

Nay trước gồm ba hạng người ở nhân địa. Thần minh ở đây cùng tận. Do họ có nghĩa chánh nhân, cho nên có lý thành Phật, chẳng phải gổ, đá! Trong nhân nói quả, cũng gọi là tánh.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Lớp thứ hai, là lại nêu ra thể của tánh hai nhân: Duyên nhân và Chánh nhân. Nay, Đức Phật nêu ra ba thứ Trung đạo:

1. Hạnh Định lạc.
2. Hạnh Định khổ.

3. Hạnh Khổ lạc. Rằng: “Ba người này đều gọi là thấy Trung đạo, nên Bồ-tát, người ở hạnh Định lạc, hiểu gọi là hai đế chân tục, cuối cùng dứt khổ, được vui, cứu giúp sáu đường, hạnh nhân duyên thành tựu, được chánh vị, mà phàm phu sống trong khổ, tâm không có nhàm chán, làm sao thấy Trung đạo ư? cho nên một nhà giải thích rằng: “Nói về Trung đạo có hai đường: Tự có Trung đạo trong hai đế và tự có Trung đạo trong lý. Hiểu biết Trung đạo trong hai đế tức là tánh duyên nhân. Trung đạo trong lý, tức là tất cả chúng sinh đều muốn tránh khổ tìm vui, là hiểu Phật tánh của chánh nhân. Nghĩa Trung đạo vốn là tâm xứng lý, nhưng người có thân thức, chẳng có sát-na nào mà trong tâm không có kiến giải này. Khổ trong thiên hạ thật ra có thể tránh, vui thật ra có thể mong cầu. Đã có sự dụng tâm, chẳng lẽ không phải Trung đạo ư? Nếu khổ không thể tránh, mà gắng gượng nhàm chán thì vui không thể được, mà muốn gắng gượng mong cầu thì điều này trái với lý Đại thừa, sao lại không phải là kiến giải, chỉ vì kiến giải này là dụng trong cảnh, chứ không phải cái biết để tạo ra duyên, cũng chẳng phải nhân của thiện, ác mà sinh ra, hoặc nhân của thiện mà sinh? Chỉ lẽ ra “Có” trong cõi trời, người, ba đường lẽ ra “Không có”, nếu nhân của điều ác mà sinh thì lẽ ra ba đường có riêng, trời, người lẽ ra “Không có”, mà nay, bất luận sáu đường trời, người, vì không có một sát-na thì sẽ không có được kiến giải này, nên biết kiến giải này chính là dụng khác của diệu bản, không có tâm thay đổi. Cho nên kinh Thắng Man chép: “Xuất hiện Như Lai tạng với tự tánh thanh tịnh tâm, thâm lãnh hội ý chỉ này”. Nhưng, mỗi kinh đều y theo sự sâu kín, về lý tự sáng tỏ.”

Hạnh Khổ lạc, là các Thanh văn, Duyên giác, người Nhị thừa đều

chẳng phải không nhầm chán, vì ý cầu xuất thế, nên gọi là vui. Chấp chặt ở tâm, không khỏi sinh tử, nên gọi là khổ, chỉ hiểu Trung đạo trong hai đế không thành, tất cả đều là điều thiện, nên thuộc về “Duyên” nhân, vì tánh của chánh nhân tự phải có như vậy. Ở đây nêu ra ba thứ Trung đạo dùng làm thể của hai nhân. Hai nhân lại đồng dùng chân như làm thể. Nay, chỉ được nói theo dụng.”

“Hạnh Định lạc: Cái gọi là Đại Bồ-tát” cho đến “Địa ngục A-tỳ, như cái vui ở ba thiên.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Thấy Niết-bàn là thường, lạc, biết sinh tử là huyền hóa, luống dối, vì hóa độ yên ổn, nên cho là khổ.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Bồ-tát Từ Sơ địa cho đến Thập địa, cứu khổ cho chúng sinh, tâm các Ngài thường vui như vui Cam lộ ở ba thiên.”

“Định khổ hạnh, là nói các phàm phu.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Không biết vui chân thật, không giác ngộ “Hoặc”, khổ, thường thực hành điên đảo, nhận lầm là đạo.”

“Hạnh Khổ lạc, là nói các Thanh văn, Duyên giác” cho đến “Thực hành khổ vui mà cứ tưởng là Trung đạo.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Người Nhị thừa so sánh với phàm phu là vui, Bồ-tát mới là khổ. Đối với hai khoảng này, vì về tình chola đủ, nên nói nghĩ là Trung đạo.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Từ khổ pháp nhẫn cho đến “Duyên” nhất giác, vì người Nhị thừa không thể ở yên trong sinh tử để hóa độ chúng sinh, nên nói là khổ, vì Nhị thừa đã hiểu được tánh khổ là không, nên vượt hơn phàm phu. Cũng là hóa độ chúng sinh, nên nói là hạnh khổ lạc.”

“Do nghĩa này, nên dù có Phật tánh mà không thể thấy.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Kiết Nhị thừa, phàm phu, dù có Phật tánh nhưng không thấy.”

Này người thiện nam! “Như ông hỏi do nghĩa gì?” cho đến “Phật tánh chính là Vô thượng Bồ-đề của tất cả Chư Phật, là hạt giống Trung đạo.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Tất cả Chư Phật đều từ Phật sinh ra, vì Đức Phật trước là hạt giống của Đức Phật sau.”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Đã nói hai tánh nhân quả. Nay, sẽ giải thích lý do được chung hai tánh, là đáp câu hỏi thứ hai.” Tánh có hai nghĩa: Một là chủng loại sinh nhau; hai là giữ phần vị không thay đổi. Nay, nói hạt giống, nghĩa là nói chung về tánh của nhân, cũng chung là

hạt giống.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Nêu câu hỏi rồi đáp. Trước đã nói ba thứ tâm có công năng sinh ra công phu của Bồ-đề, nên gọi là tánh, vì chẳng phải quả nên gọi là tánh.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Đáp câu hỏi thứ hai, có hai lớp: Đầu tiên là đáp thẳng lý do của tánh nhân, quả. Kế lại nói về ba người trên. Giải thích lý do có ba ý khác nhau, đây là lớp thứ nhất: Trước nói về quả. Kiến giải về Trung đạo Phật tánh, về mặt lý rất chu toàn, là hạt giống Trung đạo. Kế là, đáp về duyên nhân của chánh nhân, nghĩa hạt giống sẽ được quả. Trước đã nói lý do của tánh nhân quả. Nay, nói về lý do của “duyên” nhân và chánh nhân.”

“Lại nữa, này người thiện nam! Đạo có ba bậc là Hạ, Thượng, Trung.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Trước đã nói ba thứ Trung đạo, chỉ lấy thấy cả hai làm thể của Phật tánh, mà vì chính giữa, tất nhiên có thể đi suốt qua nên nói là đạo. Nay, nói về ba đạo, dùng công năng thông suốt của đạo để nói về chân đạo là có.”

Pháp sư Tăng Lượng nói: Đây là “Giải thích chung hai nhân, hai quả. Bậc hạ là chánh nhân, bậc thượng là “Duyên” nhân, bậc trung là Bồ-tát của thân sau và quả Phật.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Trên đã nói về chánh nhân đã xong. Nay gồm việc lành của nhân địa, là nói về “Duyên” nhân. Phạm phu là phẩm hạ. Nhị thừa là phẩm thượng. Bồ-tát là phẩm trung.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Đây là lớp thứ hai, kế là mở ra hai thứ nhân quả, nhằm nói về người đã thấy Trung đạo nói trên. Nếu chấp Phạm thiên là thường, cho nên những hưởng về chắc chắn là hành nhân khổ. Nếu chấp Tam bảo là vô thường thì đây là người tu hành hưởng về khổ, vui.

“Phẩm Trung, là người tu hành hưởng về niềm vui từ định.”

“Phẩm hạ là Phạm thiên vô thường, thấy lầm là thường.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Trái với đạo, chẳng phải thật, gọi là phạm phu. Vì phạm phu nên thuộc về phẩm hạ.”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Dùng nghĩa chìm đắm ven dòng chảy làm phẩm hạ.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Đã nói chấp lầm, thì đâu được nói là thiện? Nay lấy làm “Duyên” nhân, nghĩa là vì họ chế phục kiết, tu sáu hạnh, nhiếp tâm trong đạo thiền. Đây chẳng phải đạo cao siêu, phải có nghĩa thiện. Vì thế chẳng thể không lấy.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Phàm phu hoàn toàn ở trong cảnh khổ, chỉ có chánh nhân.”

“Phẩm thượng là sinh tử vô thường” cho đến “Vô thường Chánh đẳng Chánh giác.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Trái với chân, nếu là thật thì sự sinh tử quả là không có gì trên, vì nghĩa của nó được gọi là bậc thượng.”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Người Nhị thừa vì không nhận thấy quả vị Phật là thường, nên đối với sinh tử vô thường không thể bị lầm. Hiểu rõ sai là đúng nghĩa là chấp sinh tử là thường.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Đây là giải thích về người Nhị thừa. Nhận lầm là thường. Họ đã hết chánh sử, chỉ còn tập khí. Nói theo giáo thì Nhị thừa vẫn còn thói quen của tám điên đảo, như trong ba tu đã nói. Nay không lấy nghĩa tập khí làm “Duyên” nhân, mà chính là lấy thiện vô lậu làm “Duyên” nhân. Phẩm thượng, là hai địa vị Phàm, Thánh. Phàm là phẩm hạ, thì Thánh này phải nói là phẩm thượng.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Hạnh Nhị thừa không được Trung đạo, nhưng chẳng phải không có tánh “Duyên” nhân. Nếu họ thay đổi chấp nhân thì sẽ được quả bậc thượng.”

“Bậc trung được gọi là Bậc nhất nghĩa “Không”, bậc này cho vô thường là vô thường, thường cho là thường.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Người không có được nghĩa “Không” Bậc nhất nên chẳng gọi là phẩm hạ.”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Thấy được lỗi lầm của ba cõi, thấy Niết-bàn là thường, vì không đến, nên ngược dòng là phẩm thượng.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Bồ-tát biết nghĩa “Không” Bậc nhất cho nên nói là phẩm trung, vì lìa bậc hạ của phàm phu, nên không phải là bậc thượng của Nhị thừa.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Giải thích về người tu hành vui từ định nói trên. Bồ-tát đã nhận hiểu một cách xứng đáng, cuối cùng dùng nghĩa “Không” Bậc nhất này làm thể.”

“Nghĩa “Không” Bậc nhất chẳng gọi là bậc hạ. Vì sao? Vì đây là pháp mà tất cả phàm phu đều không được.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Phàm phu vì xuôi theo dòng chảy, là bậc hạ cho nên không được. Đối với phàm, không gọi là bậc thượng, chứng tỏ chẳng phải bậc hạ.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Nói về Nhị thừa không thể lãnh hội được Bậc nhất nghĩa “Không” này, nên chẳng gọi là Trung đạo. Nếu phát kiến giải chân thật thì mới được Bồ-đề Vô thượng. Phàm



phu vì không

thể được, nên không gọi là bậc hạ.”

“Không gọi là bậc thượng. Vì sao? Vì chính đây là thượng.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Đạo trên không phải trên, từ ý là trên.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Vì ngược dòng lên tận nguồn, nên gọi là bậc thượng.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Đã vượt khỏi hai lớp, chẳng khác với Phật, cũng có nghĩa là được bậc thượng, vì hiểu Trung đạo, nên gọi là bậc trung.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Từ Sơ địa trở lên, có kiến giải đương phần, không khác với giải của Phật, chỉ khác ở chỗ chưa đầy đủ. Người Nhị thừa chưa có kiến giải này, đâu được đồng gọi là bậc thượng?”

“Đạo mà Chư Phật, Bồ-tát tu hành, không trên, không dưới, nên gọi là Trung đạo.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Bậc nhất nghĩa “Không” chỉ có Đức Phật mới thấy. Nay, gồm lấy bậc Bồ-tát, vì thân sau cùng của Bồ-tát ít thấy Phật tánh, đến Cửu địa mới gọi là người thấy Trung đạo.”

Lại nữa, “Này người thiện nam! Bờ mé sinh tử” cho đến “Khổ sinh, già, bệnh, chết, đó gọi là Trung đạo.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Ngay sinh tử là Trung đạo: là nói về bản hữu (sản có).”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nói là nhân của cảnh giới, chỉ nói sinh tử, không nói Niết-bàn là khác. Vô minh là gốc khổ hiện tại. Ái là gốc khổ vị lai. Nói về khổ hai đời, lấy “Hoặc” làm gốc, đủ tất cả “Không”, đó gọi là Trung đạo, ba thứ là Trung đạo.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Sau đây sẽ giải thích về tánh cảnh giới. Ý theo đây, có tám lượt nói về nghĩa. Sau đây là lượt thứ nhất, tức là đáp câu hỏi thứ ba.”

Lượt nêu nhân của hai đời, mà trong đời quá khứ chỉ lấy vô minh, trong đời hiện tại chỉ lấy hữu, ái. Vô minh là bờ mé của hiện tại, hữu ái là bờ mé của vị lai. Nhân quả này tức là Trung đạo.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Đáp câu hỏi thứ ba, trước giải thích chúng sinh, cho nên không thể thấy ý Trung đạo, chính vì vô minh, hữu, ái, nên sống chết không dứt, đó là gọi Trung đạo; gọi là mười hai nhân duyên.”

“Trung đạo này có công năng phá tan sinh tử, nên gọi là Trung.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Đạo nghiêng lệch thì không thể phá bệnh. Đạo không nghiêng lệch, thì phá được bệnh. Vì phá bệnh nên

gọi là trung.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Cảnh này sinh trí, vì trí có công năng đã phá, nên gọi là phá.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Nếu quán được mười hai nhân duyên sinh, hiểu biết hợp lý, thì sẽ phá được sinh tử.”

“Do nghĩa này, nên pháp của Trung đạo gọi là Phật tánh.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Trí Trung đạo là Phật. Đạo là nhân của trí, nên nói nhân là tánh.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Đã chiếu soi đúng như lý nhân duyên, phát sinh kiến giải Trung đạo, thì được gọi là Phật tánh của “Duyên” nhân.”

“Cho nên Phật tánh là thường, lạc, ngã, tịnh.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Vốn có hạt giống sẵn có sinh, không gọi là khởi diệt, là do thường, lạc vô vi.”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Trung đạo là thường, nên Phật tánh thường.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Nói Lý tánh là thường, chúng sinh bị “Hoặc” che lấp, nên chẳng được dụng thường. Dù chưa được dụng thường, nhưng chủ yếu là ở nhân thường. Kế là câu này, có thể dùng nghĩa để đáp câu hỏi thứ ba.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Trí chiếu soi đã tận cùng cội nguồn, khổ sinh tử đã hết, nên nói là Thường.”

“Do các chúng sinh, không thể thấy Phật tánh” cho đến “Không có thường, không có lạc, không có ngã, không có tịnh.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Vì không thấy ba thứ Trung đạo, nên là vô thường.”

“Này người thiện nam! Ví như người nghèo, trong nhà có kho báu” cho đến “Người này liền được thường, lạc, ngã, tịnh.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Có” mà không thấy làm thí dụ.”

“Cũng vậy, vì chúng sinh không thấy Phật tánh” cho đến “nhờ thấy Phật tánh, nên chúng sinh liền được thường, lạc, ngã, tịnh.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Hợp với thí dụ. Nghĩa đồng với ví dụ nghiệp lành.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Giải thích ý chỉ cũng không khác với ý chỉ trong phẩm Phật tánh ở trên. Đây là đáp câu hỏi thứ ba đã xong.”

Lại nữa, “Này người thiện nam! Chúng sinh khởi kiến” cho đến “Trí quán như thế, được gọi là Phật tánh.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Mười hai nhân duyên là Trung đạo.

Nói chúng sinh là sẵn có. Nếu thường thì lẽ ra không có khổ, nếu dứt thì không có lý thành Phật. Người quán Trung đạo như thế, thì sẽ thấy được Phật tánh.”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Trên nói cảnh giới. Ở đây nói người trí duyên nhân. Trí có công năng dứt “Bỏ” hoặc đoạn, thường, không có lỗi nhận lầm đoạn, thường.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Lược thứ hai, nói mất kiến giải, thì đoạn, thường, được kiến giải thì không đoạn, không thường, cho nên dùng “Hoặc” để nói về thể của quán.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Ở trên đã đáp ba câu hỏi xong. Đoạn văn này còn có ý gì nên nêu ra giải thích của một nhà: “Gồm có hai nghĩa: Một là nói chung về chúng sinh vì không biết được bệnh nhân duyên; hai là vì nhất định tánh nhân quả có sự tồn tại. Ý ấy thế nào? Chúng sinh đã tức thân có Phật tánh, cho nên không được sử dụng, là vì không thể nhập vô vi hữu vi nên khởi lên bệnh thường..., vì hiểu lầm trong tâm, nên không thể được thường, lạc, ngã, tịnh này. Trên đây, đã nói về tánh nhân quả này, là vì không lia mười hai nhân duyên làm cho hữu tình biết được lý, không thể tìm kiếm pháp nào ngoài nhân quả này. Chính vì có hai ý trên đây, nên kế là sẽ nói về lý này. Ý chỉ của Đại thừa là như vậy.”

Lại, y theo văn này, lược chia ra có chín ý:

1. Trước là nói về quán mười hai nhân duyên được kết quả hay không. Nếu trước an định lý pháp tánh vô vi, lia đoạn, thường, thì hợp với cảnh, mà biết được Phật tánh thành “Duyên” nhân. Nếu phải duyên cảnh mà không thích hợp với cảnh, không yên định vô vi, chấp đoạn, thường thì sẽ trái với hạnh Trung đạo.

2. Chính là triển khai nhân năng, quả nặng, định ra tánh nhân quả, nói nhân quả này đều không lia mười hai nhân duyên.

3. Chính là nói thoát ra thể tướng của tánh nhân quả.

4. Phán quyết phần vị của tánh nhân quả.

5. Khen lý tánh nhân quả rất sâu của mười hai nhân duyên.

6. Nói dù chúng sinh chung với mười hai nhân duyên này, nhưng không hay không biết, chỉ có Bồ-tát Thập trụ và Phật mới có khả năng soi sáng cùng tận lý sâu mầu này, nên mới thấy rõ về nhân duyên từ trước đến sau.

7. Nói người tu hành với trí quán sâu sắc cùng cực, cắt đứt nhân duyên nối nhau của sinh tử, dứt hết quán luống dối, tức là quán suốt pháp tánh, tức dùng pháp sâu này làm thể, thì được thành linh giác.

8. Nói về trí quán nhân duyên có tầng bậc, sinh kiến giải có cạn, sâu.

9. Gồm thân câu kết.

Nay, từ câu “Chúng sinh khởi kiến v.v...trở xuống, là mở đầu cho ý thứ nhất. Phàm phu chính là khởi chấp đoạn thường, trái với đạo sinh diệt. Không biết pháp tướng, vì tâm vận hành ngoài lý, nên không gọi là Trung đạo. Không có thường, không có đoạn, mới gọi là Trung đạo, nghĩa là nếu nói theo bên sinh tử, nói theo đạo lý sinh, diệt của thức thì e rằng ý này không đúng! Vì sao? Vì cái “Có” luống dối của thế đế, tức thể như huyền, cuối cùng trở về diệt vô, đâu có bất đoạn, bất thường, chỉ có diệu thể của thân minh? Pháp tánh vô vi, mới được gọi bất đoạn, bất thường, tâm “Duyên” được lý này, không chấp tướng hữu, vô mới được gọi là Trung đạo. Đã xứng với lý giải này, tức là biết nhân duyên luống dối, trí quán chiếu sinh ra, gọi là Phật tánh “Duyên” nhân. Nếu hiểu được như thế, thì gọi là được pháp.”

“Người Nhị thừa dù quán nhân duyên nhưng vẫn không được gọi là Phật tánh.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Diệt sinh tử gọi là Niết-bàn. Nếu nói rằng không thấy, thì đâu thể được vô? Vì có nghĩa “Được”, nên lấy “Không được” làm tên, huống chi là người không quán ư?”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nói về không quán của Nhị thừa chưa dứt trừ đoạn thường thì không được gọi là thắng nhân.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Lược thứ ba, do người Nhị thừa được lý không sâu, cho nên không thể thấy được.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: Tánh nhân quả là thường, vì bị vô minh che lấp cho nên không thấy.

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Hiểu Trung đạo trong hai đế đã không thành, thì làm sao không thấy Phật tánh ư?”

“Phật tánh dù là thường, nhưng vì chúng sinh bị vô minh che lấp, cho nên không thấy.”

“Lại, chưa thể lợi qua sông mười hai nhân duyên, giống như thỏ ngựa. Vì sao? Vì không thấy Phật tánh.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Như thỏ, ngựa là phép quán của Nhị thừa. Thỏ, ngựa lợi qua sông, chân không được tới, huống chi chúng sinh bị vô minh che lấp, nên không thấy lý.”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nói quán cạn thấp. Vì không thấy nhân duyên bắt đầu, nên không dứt chấp thường. Vì không thấy nhân duyên cuối cùng, nên không dứt đoạn kiến.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Thứ hai là nói ba thừa đồng quán vô sinh, chỉ thấy lý khác nhau, có khác ở chỗ sâu, cạn. Mượn thỏ, ngựa lội qua sông làm thí dụ.”

“Này người thiện nam! Trí tuệ quán mười hai nhân duyên này” cho đến “Mười hai nhân duyên gọi là Phật tánh.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Tánh của mười hai nhân duyên sinh.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Trí tuệ này ở trên hai lý hữu vi, vô vi, sinh ra tánh của “Duyên” nhân, dùng trí quán nhân duyên, gọi là tánh của duyên nhân, mà hiểu thể là tránh khổ, tìm vui, gọi là tánh của chánh nhân, hai thứ đều làm rõ cả hai.”

“Này người thiện nam! Vì như rau Hồ Cô, gọi là bệnh nóng” cho đến “Mười hai nhân duyên cũng giống như vậy.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Ở trước nói về trí quán mười hai nhân duyên, lúc bao gồm nhân, gọi là Phật tánh, nên lấy rau Hồ cô làm thí dụ. Thật sự thấy nhân duyên, sau đó quả mới thành, chẳng phải ví dụ kia.”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Ở trên nói nhân là hạt giống, đây là chủng tánh sinh nhau. Nay nói hạt giống là tánh, là trong nhân nói quả, cho nên là khác.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Vì hai nhân trên làm thí dụ. Dù rằng chẳng phải Phật, nhưng vì có khả năng được quả Phật, nên gọi là Phật tánh.”

“Này người thiện nam! Phật tánh có nhân, có nhân nhân, có quả, có quả quả.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Hương về Phật tánh gọi là trung, có nhân, có quả nên nay nói nhân quả có lệ thuộc.

Ngài Tăng Lượng nói: “Ở trên nói việc nhân quả đã xong, đều là hội nhập tông chỉ trên, chia “Không” thành hai nhân, chia quả thứ nhất thành hai quả, để nói nhân quả nối nhau, không lìa nhân duyên, đều không có tự tánh.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Lược thứ tư là có nhân”, nghĩa là mười hai nhân duyên làm tác nhân cho trí. “Nhân nhân”: Tức là trí tuệ, trí này là tác nhân của Bồ-đề. Bồ-đề là tác nhân của Niết-bàn. Đây là nhân của nhà nhân, nên nói là nhân nhân.”

Có quả, có quả quả: Bồ-đề là quả, mà Niết-bàn lại là quả của nhà Bồ-đề.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Ý thứ hai, chính là quyết định tánh nhân

quả. Nói về tánh nhân quả này, tức dùng mười hai nhân duyên làm thể. Có nhân, là chánh nhân. Nói về lý, nên lấy chánh nhân làm nhân nhân, vì “Chánh” là nhân của nhân duyên. Nay, chỉ vì tánh của chánh nhân, nên Phật không thay đổi, ngay phần vị nhân mà nói là nhân. Nhân nhân: Duyên tánh nhân vì có đời đời không cố định, nên gọi là nhân nặng. Quả, là Bồ-đề. Chủng trí là quả của muôn hạnh, nên được gọi là quả. Niết-bàn đối với sinh tử được tên gọi. Đây là lập quả ở trên quả, nên nói là quả của quả.”

“Có nhân, tức mười hai nhân duyên.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Vì mười hai nhân duyên có công năng sinh ra trí quán, nên gọi là nhân.”

“Nhân của nhân” tức là trí tuệ.

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Trí hiểu biết mười hai nhân duyên là Phật tánh của nhân. Nay, chia làm hai, vì lý do giải thích được, từ lý nên thành quả Phật, lý là nhân Phật. Giải” đã được lý, “Giải” là nhân của lý, đây gọi là nhân của nhân.”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Trí quán là nhân của Niết-bàn,, vì trí Bồ-đề là trí quán của Niết-bàn. Vì là Bồ-đề, cho nên không làm nhân nhân cho Bồ-đề, nghĩa là vì muốn trải khắp bốn pháp.”

“Có quả” tức là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Bồ-đề là quả của trí quán.

“Quả của quả” tức là Vô thượng Đại Bát-niết-bàn.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Thành Phật, được Đại Niết-bàn là Phật tánh. Nay, cũng chia làm hai: Thành Phật từ lý, cuối cùng là quả. Đã thành được Đại Niết-bàn, về nghĩa ở sau, đây là quả của quả.”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Niết-bàn là quả của Bồ-đề. Đối với trí quán mà nói, là nghĩa “Quả quả”.

“Này người thiện nam! Ví như vô minh là nhân” cho đến “Thức vừa là quả, vừa là quả quả. Phật tánh cũng như vậy.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Nhân quả đồng làm thí dụ. Tạo ra nhân quả khác nhau. Hai phần trước là bốn, đây mới là ba, đây là khác nhau.”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nêu mười hai nhân duyên, sinh nhau là giống nhau.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Vô minh là tác nhân của hành, nên gọi là nhân. Hành này lại làm tác nhân cho thức. Nếu giống với câu trước, lại lấy hành làm “nhân nhân”: Một là vì từ nhân trước mà sinh; hai là vì làm tác nhân cho thức, nên là nhân nhân, mà câu văn nói vô minh là

“Nhân nhân”, lẽ ra cũng dùng mười hai nhân duyên làm “Nhân nhân”. Như không giống, vì tiêu tức.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Làm nhân quả, lập thí dụ. Y theo ba pháp trên so với nhau, đều có nghĩa “Nhân nhân”, “Quả quả”.”

“Này người thiện nam! Do nghĩa này nên mười hai nhân duyên” cho đến “Không đến, không đi, chẳng phải nhân, chẳng phải quả.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Vì duyên sinh chẳng thật, nên không xuất, vì duyên chia lìa phải diệt, nên không thường. Vì trước sau, chẳng phải một, vì không lìa, nên chẳng phải hai. Nghĩa đến đi giống như sinh diệt. Vì chẳng phải tác nhân nên chẳng phải nhân. Vì chẳng phải nhân, nên chẳng phải quả.”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Không xuất, không diệt, là vì từ duyên nên không, Niết-bàn là không có xuất hiện. Vì không có sinh tử nên bất diệt. Dưới đây, cũng giống như vậy:

“Chẳng phải nhân, chẳng phải quả: Không có trước là nhân, không có sau là quả.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Lược thứ năm nêu lý để thành dụng của trí quán Trung đạo. Không xuất, là không nêu ra đến hiện tại. Không diệt: không hoàn toàn đoạn diệt, vì có nghĩa nối nhau sinh ở sau. Không thường tức là không xuất, không đoạn tức là không diệt. “Chẳng phải một”: Vì nhân quả khác nhau. “Chẳng phải khác”: Vì đầu cuối nối nhau thành “Một”. Không đến không đi, nghĩa là không từ vị lai đến hiện tại, cũng không có một vật thể nào đi vào quá khứ. Chẳng phải nhân, chẳng phải quả là chẳng phải khác với nhà nhân chẳng phải nhân khác với nhà quả.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Ý thứ ba ở trên nói về tánh của nhân, quả không lìa mười hai nhân duyên. Nay, kể là, phát ra thể tướng của nhân quả đó, nói mười hai nhân duyên, chính là dùng chân như, pháp tánh vô tướng, vô vi làm thể. Nếu giáo xưa một bề nói “Không”, thì e rằng Thánh chỉ sẽ không tồn tại. Nếu một bề là “không” thì đâu cần phải khen ngợi. Vì nhân duyên rất sâu, nên biết rằng đã làm rạn vỡ cho giáo nay.”

“Này người thiện nam! Là nhân chẳng phải quả, như Phật tánh.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Phật tánh là nghĩa hạt giống sinh, nên là nhân chẳng phải quả.”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Tánh của chánh nhân chính là bốn pháp.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Dưới đây là môn nhân quả thứ sáu, là



tánh cảnh giới mười hai nhân duyên.”

“Là quả, chẳng phải nhân, như Đại Niết-bàn.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Vì Niết-bàn là nghĩa rốt ráo, nên chỉ là quả chứ chẳng phải nhân.”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Không còn quả nữa.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Quả báo cùng cực.”

“Vừa là nhân vừa là quả, như pháp do mười hai nhân duyên sinh ra.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Trái với lý tạo ra có, đều là nhân duyên sinh, đều là nhân, đều là quả.”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Là trí quán. Đối với chánh nhân là quả, đối với Bồ-đề là nhân.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Dùng trí quán chiếu, có cả nhân, quả.”

“Chẳng phải nhân, chẳng phải quả, gọi là Phật tánh.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Không từ nhân mà có lại không còn tạo ra.”

“Vì chẳng phải nhân, quả, nên thường hằng không thay đổi.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Vì tạo ra cái “Có” nên sinh diệt. Vì vốn tự nhiên, nên không sinh diệt.”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Tánh của quả Bồ-đề chẳng phải do nhân làm ra, cho nên gọi là Bạc nhất nghĩa.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Nói là Tam-Bồ-đề. Vì chẳng phải nhân, nên chẳng phải nhân. Vì không bị sinh ra, nên không phải là quả. Do không phải là nhân của sinh mà được, cho nên thường hằng.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Đây là ý thứ tư, nói về phán quyết phần vị của tánh nhân quả. Là nhân, nghĩa là chánh nhân, chánh nhân chỉ được ở phần vị nhân, không được gọi là quả. Là quả chẳng phải nhân, nghĩa là Niết-bàn, chẳng được gọi là quả. Không được gọi là nhân.”

“Vừa là nhân vừa là quả: Tánh của duyên nhân có nghĩa tức nhân, tức quả.”

Chẳng phải nhân, chẳng phải quả: Lại khiến trách ở trước nói rằng: “Niết-bàn gọi là quả, muôn hạnh là nhân, tâm chúng sinh chấp cho là sinh nhân, sinh quả”. Nay khiến trách rằng: Thể của Niết-bàn “Trăm phi”, không thật có, chẳng sinh nhân của sinh nhân. Lại, chẳng phải là quả của sinh nhân. Không có danh, không có tướng, đâu phải là nhân là quả ư?

“Do nghĩa này nên trong kinh Như Lai nói” cho đến “Mà các Thanh văn, Duyên giác không thể sánh bằng.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Về nghĩa nhân quả có đủ ở trong mười hai nhân duyên. Bồ-tát Thập trụ vẫn còn các chứng bệnh, huống chi người Nhị thừa ư?”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Vì giải thích nghĩa của hai môn “Không” “Hữu” ở trên, đều chẳng phải việc mà người Nhị thừa suy lường được! Nên việc mà giáo xưa đã nói, để chứng minh cho lý nhân duyên rất sâu:

1. Khen ngợi lý rất sâu.
2. Chúng sinh không biết.
3. Chỉ có Phật mới hiểu rõ. Dưới đây, sẽ giải thích riêng.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Lượt thứ bảy, người Nhị thừa chẳng thể thấy biết, nên nói là không biết, không thấy.”

“Vì sao lại rất sâu, rất sâu?” cho đến “không có lo biết, hòa hợp mà có.”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Thứ nhất, là chứng minh rất sâu.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Giải thích nghĩa rất sâu: Vì nói nhau nên không dứt, vì diệt nên không thường, cho nên có thể giải thích về quả. Dù mỗi niệm diệt, nghĩa là vì chủng loại giống nhau, tức là có một tác dụng.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Ý thứ năm là khen ngợi lý sâu của mười hai nhân duyên. Vốn khen lý sâu sắc này chính là ý ở chân thể thần minh. Không nói về sinh tử, sinh tử là sự cấu kết không thật, đâu có gì là rất sâu? Sở dĩ chỉ khen mười hai nhân duyên, không khen năm ấm, mười hai nhập, mười tám giới... là vì đẳng nhân này đã thành giả gọi là pháp môn, chẳng phải đầu cuối nối nhau. Vì mười hai nhân duyên là pháp môn đầu cuối, cho nên y cứ vào pháp môn này để khen.

Không biết, không thấy: Lý đã sâu xa, đâu dễ gì thấy biết! Chỉ có Đức Phật muôn hạnh tròn đầy, được tri kiến đầy đủ, còn Bồ-tát Thập trụ chỉ thấy lẽ mờ. Chẳng thể tư duy: Lý pháp tánh sâu kín, chỉ cho cảnh giới của Phật, không phải cảnh mà Nhị thừa hạ địa suy nghĩ được! Do nghĩa này, nên nói là rất sâu.

Sau đây, chính là giải thích về thể của nhân duyên. Cho nên ý rất sâu là vì để nói về hành nghiệp của chúng sinh là không thường, không đoạn, mà quả báo lại không quên. Nếu chúng sinh tạo nghiệp, trực tiếp dùng thần minh luống dối làm thể, thì phải là ba tướng vô thường. Nếu chính ba tướng đã tạo ra nghiệp lành, nghiệp dữ thì làm sao được tồn tại để rồi khởi nghiệp về sau, trải qua hàng trăm, ngàn muôn kiếp, do tự chịu quả báo, nên biết được có pháp tánh đứng đầu thần “Giải” thường

kể thừa chân thật bất diệt. Thể nó không có thịnh, suy, thì dụng đâu thể diệt? Nếu được kiến giải về sau, thì tác dụng si mê mới “Không”. khi chưa có kiến giải thì thường si mê, cho nên là nghiệp, nghiệp tức là si che lấp trí, gọi là phiền não. Với sinh cảm quả, do đó thành nghiệp, tức một thể mà nghĩa phân chia. Dù niệm niệm diệt, nhưng không mất đi. Nghĩa là đã chân, tục cùng chung là thần minh. Bên tục mới có thể là ba tướng diệt, y cứ bên chân lấy dĩ vãng, vì nghĩa si mê thường còn, cho nên không mất. Dù không có tác giả tuy không có tác giả như thần nhã, mà đều tạo nghiệp. Dù không có thọ giả, là dù không có như thần ngã thọ giả của mười sáu tri kiến, mà có nhân thì sẽ được quả. Không có lo biết do hòa hợp mà có thì cũng không có người biết hòa hợp, là thần ngã mà ngoại đạo đã chấp, nhưng vì có nhân nên dẫn đến quả. Về lý thường cảm với nhau. Như các ngoại đạo kia không có pháp tánh này làm thể thì sau khởi nghiệp, họ sẽ gởi nghiệp vào chỗ nào? Kinh xưa nói rằng: “Nếu có lời nói thành tựu thì chắc chắn thành tựu?”

“Tất cả chúng sinh dù cùng với mười hai” cho đến “Vì không thấy, biết nên không có đầu cuối.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Không từ tạo ra mà có, thì đâu có bắt đầu? Đã không thấy biết thì đâu có sau cùng”

“Bồ-tát Thập trụ chỉ thấy sau cùng, không thấy bắt đầu của mười hai nhân duyên.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Bồ-tát Thập trụ thấy lẽ mờ chung cuộc của mười hai nhân duyên? Bắt đầu không có bờ mé, nghiên cứu lý mới thấy.”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Chứng minh không thấy.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Vì đến lúc Kim cương dứt, thì sau cùng của mười hai nhân duyên kia mới dễ hiểu rõ. Tìm kiếm nguồn gốc của mười hai nhân duyên thì không thể nào biết được.”

“Chư Phật, Thế tôn thấy đầu, thấy cuối. Do nghĩa này, nên Chư Phật được thấy Phật tánh rõ ràng.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Điểm bắt đầu không có cội nguồn mà soi chiếu, chính vì bắt đầu ở chỗ không có bắt đầu, như Tịnh Danh nói: “Từ si có ái, đâu biết được bắt đầu? Kinh Thắng Man cũng nói: “Vô minh, vô trí”.

“Đây người thiện nam! Tất cả chúng sinh không thể thấy mười hai nhân duyên cho nên trôi lăn.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nêu sự tai hại không thấy mười hai nhân duyên để kết luận.”

“Này người thiện nam! Như con tầm kéo kén tự sống, tự chết” cho đến “trôi lăn sinh tử, giống như đánh trái cầu lông.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Vì người không thấy nên phải thí dụ.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Ý thứ sáu dù cho chúng sinh cùng chung với lý này, nhưng vì không hay biết, nên tạo nhân chịu khổ, không cùng tốt, không thôi dứt, chỉ có Chư Phật, Bồ-tát đã giác biết lý này, tu nhân cảm quả, nghiên cứu cùng tận về nhân duyên này, nên biết đầu, biết cuối. Nay, nói Bồ-tát Thập Trụ biết cuối, mà không biết đầu, e rằng đây chẳng phải thật luận. Vì sao? Vì đạo Phật đã đầu cuối đều không thấy, đầu cho Thập trụ chỉ biết cuối, không biết đầu, lẽ ra cũng lẽ mờ như đều, mà nay, chỉ nói biết cuối, không chưa biết đầu, đây chính là vì thử nghiệm người không hành đạo, nói rằng, Bồ-tát Thập trụ đã tu hành đại nghiệp trong suốt ba A-tăng-kỳ, vẫn còn biết đầu, huống chi người không tu hành mà biết được? Nếu thực hành theo sự, thì có cuối để y cứ, còn đầu đã, nhỏ nhiệm khó xét tìm, nên chỉ biết cuối. Nói về lý, tức là đầu cuối đều lẽ mờ. Phải biết rằng, chỉ có Đức Phật hiểu rõ cùng cực, xem xét mười hai nhân duyên này, được thấy Phật tánh.”

“Này người thiện nam! Cho nên trong các kinh Như Lai đã nói” cho đến “Mười hai duyên, tức là thấy pháp.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Pháp là danh của lý thật, thấy mười hai duyên mở đầu là thấy thường, vô thường, là thấy pháp.”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nêu kinh xưa để chứng minh lợi ích của người nhận thấy mười hai nhân duyên, vì diệt khổ là Phật, cho nên nói rằng, chính là thấy Phật.”

“Thấy pháp, tức là thấy Phật.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Pháp thể là Phật, Pháp tức Phật”.

“Phật là Phật tánh. Vì sao? Vì tất cả Chư Phật đều lấy Phật tánh này làm tánh.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Nói về pháp thể, nghĩa là thâm hợp tự nhiên tất cả Chư Phật, đều như vậy, cho nên pháp là Phật tánh.”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nay, nêu thuyết nhằm lãnh hội ý chỉ xưa.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Ý thứ bảy nói về hiểu thấu cùng tận cội nguồn. Nếu sinh tử hết ngay thì gọi là thấy chân pháp. Vì thấy chân pháp này, nên gọi là thấy Phật. Đại giác hiện ở trước, không còn bóng tối che khuất nữa, tức dùng chân như, pháp tánh này làm thể, thành trí nhất thiết chủng. Nếu thần minh không dùng pháp tánh này làm cội

nguồn, thì kinh đầu được nói là thấy mười hai duyên, tức gọi là thấy pháp. Nếu thấy pháp sinh tử, quả Phật thường trụ, thì đầu được nói rằng: “Dùng pháp tánh này làm thể” Nếu sinh tử là không thì như giáo thuở xưa, lẽ ra đồng với nguội thân bất trí. Lại, không thể gọi là thường. Pháp thường lại là nghĩa Vô tử sinh, nên biết “Thần giải” dùng pháp thường này làm gốc, trực tiếp dứt trừ luồng đối, hiển bày ra ý chỉ chân thường này. Việc đó như nói ví dụ ngoại đạo Phú-lan-na dưới đây”.

“Này người thiện nam! Trí quán mười hai duyên” cho đến đấng “Đạo Vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Phàm phu không thấy mười hai duyên, nên làm cho mình phải chịu đau khổ, mà thấy có cạn, sâu, khổ diệt khác nhau. Không thấy Phật tánh: Trung đạo là Phật tánh. Người Nhị thừa thấy nghiêng lệch, không thấy Trung đạo.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Đây là lượt thứ tám, nói bốn hạng người quán cạn sâu, chỉ có quán thượng thượng mới cùng tận, nên biết là sâu.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Ý thứ tám, kể là nói về tướng giai cấp nhất định của trí quán mười hai duyên. Trước nói về lý sâu của mười hai nhân duyên, không biết, không thấy, chỉ có Phật mới thấy biết tận cùng và xem xét đầu cuối của mười hai nhân duyên kia. Vì thế, nay kể là nói về Phật hàng phục ma vương trở lại, cũng được quán lý này, chỉ quán mà chưa đạt được, nên phát kiến giải có sâu, cạn, về tầng bậc có bốn lớp khác nhau:

1. Trí bậc hạ, được đạo Thanh văn.
2. Trí bậc trung, được đạo Duyên giác.

3. Trí bậc thượng, được địa vị Thập trụ. Nhưng trí bậc Thượng thượng, vì thấy nhân duyên cùng cực, nên thành đạo Vô thượng. Ở đây nói được đạo Thanh văn, e rằng chẳng phải là người thực hành. Nếu mượn lời nói để dẫn dắt người ngu, nên không có nghi ngờ.”

“Do nghĩa này, nên mười hai nhân duyên gọi là Phật tánh” cho đến “Phật gọi là Niết-bàn.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nghĩa “Không Bậc nhất” gọi là Trung đạo, trở lại kiết tông chỉ trên. Phật tánh, Niết-bàn này nói chung là Niết-bàn sinh tử. Trí cảnh không nghiêng lệch, đều gọi là Trung đạo.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Nghĩa là tánh của cảnh giới, nghĩa không bậc nhất là trí chiếu cảnh, gọi là Trung đạo, nghĩa là trí chiếu không nghiêng lệch. Trung đạo gọi là Phật tánh, nghĩa là thẳng giải tròn đầy,

trở thành quả cùng cực, “Tức Niết-bàn” là quả của quả.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Đây là ý thứ chín, Gom chung, kiết hội nhập, nói về bốn thứ Phật tánh đều không lìa mười hai nhân duyên. Đã nói cùng tận lý này được thành Phật. Nhân quả, Phật tánh, đâu được lìa mười hai duyên, gọi là Phật tánh. Phật tánh tức nghĩa “Không” Bạc nhất chính là kiết xa về quả Phật trên, kiến giải về trung đạo Phật tánh đã mãn, muôn đức đều đủ, chỉ dùng Bạc nhất nghĩa “Không” này làm thể. Nếu muốn lấy chung kiết bốn thứ Phật tánh thì đều dùng nghĩa “Không” Bạc nhất này làm thể. Nhưng ý kiết luận này, e rằng nói theo tánh quả.”

“Bấy giờ, Bồ-tát Sư tử Hống” cho đến “Thì tất cả chúng sinh cần gì tu đạo?”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Ý nói: “Nếu nhân cũng là Phật tánh, quả cũng là Phật tánh, thì danh nghĩa không khác nhau, cần gì tu hành đạo nghiệp để mong cầu thành Phật ư?”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Cho nên Bồ-tát Sư tử Hống nêu lên câu hỏi này là do trên đây, Đức Phật đã nói: “Thấy pháp tức là Phật, Phật tức Phật tánh”. Tình người mới sinh nghi ngờ về lời nói đó của Phật, rằng “Nếu Phật và Phật tánh không khác, thì tức là có tánh, tức có Phật, thì cần gì phải tu đạo?”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Dưới đây là giải thích nghi ngờ nói trên, mà sinh ra câu hỏi. Nổi nghi ngờ này dựa vào đâu mà khởi? Do Phật đáp ba câu hỏi trên, về sau, nhất định tánh của nhân quả, chúng sinh bèn sinh nghi: “Nếu nhân quả, Phật tánh đều không lìa mười hai nhân duyên, thì tức là tánh nhân và tánh quả, cuối cùng tự chúng không khác nhau. Nếu không khác nhau, thì cần gì phải tu đạo? Đã sinh nghi có hai, nên Phật đáp dưới đây cũng là hai pháp không khác nhau, cho là một câu hỏi: “Cần gì phải tu đạo?” Vì là câu hỏi thứ hai nên Đức Phật đáp dưới đây, sẽ mở ra thành ba câu đáp. Hai câu hỏi tức là hai đoạn. Đáp câu hỏi thứ hai, là Phật khuyên bảo chúng sinh hãy quên nghi ngờ. Nay, nói nghĩa này không đúng, vì trước kia, Đức Phật đã khiến rách rồi.”

“Phật bảo: “Này người thiện nam! Lời ông vừa nói” cho đến “Nhưng chúng sinh đều chưa đầy đủ.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nói về mảy may tri kiến đều là lý Phật chưa đủ, gọi là tánh nhân, đầy đủ thì gọi là tánh quả. “Tánh danh” dù đồng, nhưng có đủ, không đủ khác nhau.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Y cứ trong phần đáp có năm. Văn giải thích dù là đương tánh, nhưng vẫn phải tu đạo.”

“Này người thiện nam! Ví như có người với lòng dạ ác độc hại mẹ mình” cho đến “Ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Giải thích nói là “Có”, vì vị lai chắc chắn được nên gọi là có chẳng phải nay “Có”.

Pháp sư Tăng Tông nói: “Lớp thứ nhất, vì nhờ nghiệp hiện nay có, sẽ chiêu cảm quả đương lai. Phật tánh cũng giống như vậy, sao lại không cần tu đạo ư?”

“Do ý nghĩ này, nên ta đối với kinh này” cho đến “Sẽ thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nêu kệ xưa để làm chứng.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Lớp thứ hai là nêu kệ để so sánh nhân quả không đồng đều: Hễ còn phiền não thì sẽ không có Niết-bàn, đâu được không cần tu đạo ư?”

“Này người thiện nam! Như có người trong nhà hấn có sữa, có lạc” cho đến “Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Hễ người có tâm, nghĩa là trước kia nói chắc chắn được. Nay nói hễ người nào có tâm cầu vui, cầu thì đều được, chỉ chậm hay mau là điều đáng nói thôi!”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Lớp thứ ba, sữa sẽ sinh ra lạc, cho nên phải có rượu nồng, nhiệt độ ấm..., mới có lạc. Do đó nên phải tu đạo.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Trước Phật đáp câu hỏi đầu, nhằm nói rằng, Phật và Phật tánh dù không khác nhau, nhưng chủ yếu là chưa đầy đủ, phải đến khi thành Phật, mới không khác nhau, còn hiện giờ, chưa được thành Phật, thì làm sao không khác được? Cho nên, dưới đây liền mượn ví dụ để nói về nghĩa sẽ có ở vị lai. Trong thời gian hiện tại không có quả đương lai, nên nói “Có”, chẳng phải là cái “Có” của “Đã có”. Chúng sinh cũng vậy, đều có tâm: Văn dưới nói: “Chánh nhân, nghĩa là chúng sinh, mà trong đây nói là tâm. Nếu dụng tâm với mục đích tránh khổ, tìm vui thì hiểu là Chánh nhân. Nếu vì hội thông đoạn văn này thì đều tự có đối đãi. Ở đây nói rằng tâm là đối nói theo chủng trí của quả địa, nói là chúng sinh ở đây nghĩa là khi đối với Phật, người tu hành mà nói. Nếu nói về địa vị chính đáng của tâm kia thì do lấy “Dụng giải” tránh khổ, tìm vui làm địa vị.”

“Này người thiện nam! Rốt ráo có hai thứ” cho đến “Vì bị các kiết sử che lấp, nên chúng sinh không thấy.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Trên đây nói chắc chắn sẽ được Bồ-đề, rốt ráo được Bồ-đề. Nay nói là chẳng những được quả mà còn được nhân. Trang nghiêm là nhân, mà cũng là thế gian. Nhất thừa: Trí

Phật là sự rốt ráo của thừa, gọi tên là thừa.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Lớp thứ tư, mượn nhân để so sánh với quả. Trang nghiêm rốt ráo vẫn còn ở trong nhân. Chúng sinh đã thành tựu lý nhân, đâu so sánh với tánh quả. Ở ngoài sinh tử, sẽ không cần tu đạo ư?”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Đáp câu hỏi thứ hai, nói phải tu đạo, trang nghiêm rốt ráo, nghĩa là tâm kim cương. Rốt ráo rốt ráo: là quả Vô học. Thế gian rốt ráo: Lại là lúc tâm kim cương, thể do chưa khỏi khổ, vô thường nên nói là thế gian.

Xuất thế rốt ráo: Lại là quả Vô học, thể vì đã lìa khỏi ba tướng, nên nói là xuất thế.

Trang nghiêm rốt ráo: Y cứ muôn hạnh để nói.

Rốt ráo rốt ráo: Nói chúng sinh được nhất thừa quả Phật, chỉ chúng sinh có nhất thừa quả Phật này, vì bị vô minh che lấp, nên không thể thấy được chân lý. Nếu khẩn cấp như thế, thì nên tu đạo, đâu được hỏi rằng: “Không cần tu hành đạo nghiệp ư?”

“Này người thiện nam! Phật tánh” cho đến “Thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Về nghĩa Phật tánh hiện, không gì có trước Phật tánh này, nên dùng để làm tên.”

“Này người thiện nam! Tam-muội Thủ lăng nghiêm” cho đến “Định Thủ lăng nghiêm, gọi là Phật tánh.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Tánh quả gọi là quả tùy, vì có công năng nên đặt tên chẳng phải một. Nói theo văn, năm tên gọi này đều là Vô học.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Nói Thủ lăng nghiêm là mẹ của Chư Phật ba đời, chủ thể sinh ra trí Nhất thiết chủng. Nói chúng sinh cũng có, chỉ vì không tu tập, nên không được thành Vô thượng Bồ-đề. Thủ lăng nghiêm có năm tên gọi, nghĩa là theo nghĩa thành năm giai vị:

1. Dùng sự bền chắc làm tên.
2. Dùng trí tuệ để gọi.
3. Dùng năng lực bề dẹp để được tên gọi.
4. Dùng điều phục chúng sinh để so sánh.
5. Lấy giác sát làm ý chỉ.

Chính là một tâm Kim Cương, vì theo nghĩa khác nhau, nên có nhiều tên gọi.

“Này người thiện nam! Một thuở nọ, Ta ngự bên sông Ni-liên-thiền” cho đến “Vì chúng sinh nên nói là “Ngã”.



---

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Danh từ Ngã vốn phát ra từ thường còn không dứt. Phật tánh không dứt, tức là vì lấy nghĩa đó để đặt tên, chứ chẳng phải thật.”

“Này người thiện nam! Vì có nhân duyên, nên” cho đến “Mà nói là vô ngã, vì được tự tại.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Vì thường cho nên tự tại, là nghĩa “Ngã”. Cảm ứng không có đầu mối, tự tại này sinh ra từ “Ngã” đó. Vì vốn chẳng phải “Ngã”, nên còn gọi là “Vô ngã”.”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Trước nói nhân chẳng phải tánh, mà nói là tánh. Nay nói chẳng phải “Ngã” mà nói là “Ngã”. Lạc, tịnh cũng giống như vậy. Phật tánh thật sự chẳng phải “Ngã”. Nghĩa là nhân không tự tại, nên chẳng phải là “Ngã”. Có nhân duyên, cho đến chẳng luống dối. Hoặc bị dứt bỏ trước kia, sau, bỏ điên đảo chấp thường, đều không phải luống dối. Vì thế giới, vì dứt trừ cái “Ngã” gạo, mè của người đời.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Thứ năm là chứng minh nghĩa sẽ có, bấy giờ, Phạm chí nghe nói nghĩa “Sẽ có”, đều phát đạo tâm, há không được tu đạo ư?”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Một hôm, ta ngự bên sông Ni-liên- thiên...” trở xuống là văn thứ ba, Phật khuyên chúng đương thời, hãy quên chấp pháp. Lời Phật nói không có phương hướng, nên không thể nghe một bên rồi chấp đấm. Như thuở xưa, Đức Phật vì Phạm chí nói chánh nhân Phật tánh là “Ngã”, thật ra Phật tánh chẳng phải “Ngã”. Chính là dùng phương tiện khéo léo ứng với căn cơ chúng sinh, làm cho chúng sinh tỏ ngộ được đạo, đâu thể nghe nói tánh của chánh nhân này là “Ngã” mà sinh ra chấp ư?”

Nếu vậy, “Ngã” mà ta nói, vì chúng sinh sẽ thành Phật, nên nói “Có” mà không chứng đắc, bèn chấp rằng: “Chúng sinh có Phật tánh, chẳng cần tu đạo.”

